

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09/8/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị C**

2. Ông **Lê Văn D**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu B** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11/4/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đỗ Minh T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Hợp Hòa, xã I, huyện C, tỉnh G.

Có mặt

Bị đơn: Chị **Phan Thị Anh T**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Minh Tiến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Phan Thị Anh T kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh G. Sau một thời gian sống chung hạnh phúc khoảng 2 tháng thì giữa hai bên nảy sinh cãi vã, mâu thuẫn. Ngày 25/12/2017, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị Anh T

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu **Đỗ Phan Hoàng V**, sinh ngày 07/6/2016. Khi ly hôn Anh T đồng ý giao con chung cho chị Phan Thị Anh T là người trực tiếp giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu V với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, bị đơn chị Phan Thị Anh Thư trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T công nhận đúng như Anh T trình bày về việc kết hôn và mâu thuẫn. Sau khi kết hôn, chung sống không hạnh phúc nên tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ và sống ly thân với Anh T từ ngày 25/12/2017. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau. Tuy nhiên chị vẫn còn tình cảm với Anh T và muốn con có cả bố và mẹ nên không đồng ý ly hôn với anh T.

Do không đồng ý ly hôn nên các nội dung khác chị T không có ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ: Thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đ. Hôn nhân của Anh T và chị T là hợp pháp, trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên Anh T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS; các điều 55,56, 81,82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh T; Anh T được ly hôn với chị T; Giao cháu Vũ cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh T phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/1tháng; Về án Phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, nội dung và hình thức đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Anh Đỗ Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo với hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn chị Phan Thị Anh T có nơi cư trú tại huyện Đ. Do đó, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T và chị T tự nguyện yêu thương, tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh G. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống với nhau do tính cách không hợp nhau nên giữa anh chị từng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn càng lúc càng lớn, không thể hàn gắn nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, trên thực tế cuộc sống chung không còn tồn tại, giữa hai bên đều không tìm biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Mặc dù phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Anh T yêu cầu ly hôn với chị T là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Anh T chị T có 01 con chung là cháu Đỗ Phan Hoàng V, sinh ngày 07/6/2016. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con vì có thu nhập ổn định, đảm

bảo điều kiện nuôi con, được Anh T đồng ý. Vì vậy, sẽ giao con chung là cháu Vũ cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành và tự lập được.

Tại phiên tòa, Anh T giữ nguyên ý kiến như trong quá trình giải quyết vụ án là sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/1tháng. Đây là sự tự nguyện của Anh T, phù hợp với quy định của pháp luật, cần buộc Anh T phải thực hiện.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] *Về án phí*: Anh T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung của anh Đỗ Minh Tiến.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Minh T được ly hôn với chị Phan Thị Anh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Phan Hoàng V, sinh ngày 07/6/2016 cho chị Phan Thị Anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Đỗ Minh Tiến phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/1tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Đỗ Minh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005241 ngày 10/4/2019 của

Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh T còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H